



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
**VIỆN NGÂN HÀNG – TÀI CHÍNH**

Đồng Chủ biên: TS. Phan Hữu Nghị  
PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

Giáo trình

# THUẾ



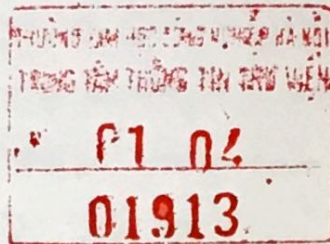
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
2020

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
VIỆN NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH**



**Đồng Chủ biên: TS. Phan Hữu Nghị**

**PGS.TS. Nguyễn Thị Bất**



**GIÁO TRÌNH  
THUẾ**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
2020**

# MỤC LỤC

|   |          |
|---|----------|
| LỜI NÓI ĐẦU.....  | 1        |
| <b>CHƯƠNG I Thành viên tham gia biên soạn giáo trình:</b> .....   | <b>3</b> |
| 1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế.....                            | 3        |
| 1.1.1. Khái niệm <b>TS. Phan Hữu Nghị</b> .....                   | 3        |
| 1.1.2. Đặc điểm <b>PGS.TS. Nguyễn Thị Bất</b> .....               | 4        |
| 1.2. Vai trò của thuế.....  | 4        |
| 1.2.1. Thuế là nguồn thu của ngân sách nhà nước.....              | 4        |
| 1.2.2. Thuế là công cụ điều tiết kinh tế.....                     | 6        |
| 1.2.3. Tạo công bằng xã hội.....                                  | 7        |
| 1.2.4. Kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh..... | 10       |
| 1.3. Tính chất của thuế.....                                      | 11       |
| 1.3.1. Tính hiệu lực.....   | 11       |
| 1.3.2. Tính đơn giản.....   | 12       |
| 1.3.3. Tính linh hoạt.....  | 13       |
| 1.3.4. Tính trách nhiệm.....                                      | 13       |
| 1.3.5. Tính công bằng.....  | 13       |
| 1.4. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế.....                       | 14       |
| 1.4.1. Tên gọi của thuế.....                                      | 14       |
| 1.4.2. Đối tượng nộp thuế.....                                    | 14       |
| 1.4.3. Đối tượng chịu thuế.....                                   | 14       |
| 1.4.4. Cơ sở thuế.....  | 15       |
| 1.4.5. Thuế suất.....   | 15       |
| 1.4.6. Các yếu tố khác.....                                       | 17       |
| 1.5. Phân loại thuế.....  | 17       |
| 1.5.1. Theo phạm vi điều chỉnh của thuế.....                      | 17       |
| 1.5.2. Theo tính chất điều tiết của thuế.....                     | 17       |

# MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>LỜI NÓI ĐẦU</b> .....   | <b>1</b>  |
| <b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THUẾ</b> .....                           | <b>3</b>  |
| <b>1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế</b> .....                     | <b>3</b>  |
| 1.1.1. Khái niệm .....   | 3         |
| 1.1.2. Đặc điểm của thuế .....                                     | 4         |
| <b>1.2. Vai trò của thuế</b> .....                                 | <b>4</b>  |
| 1.2.1. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước .....      | 4         |
| 1.2.2. Thuế là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế .....           | 6         |
| 1.2.3. Tạo công bằng xã hội .....                                  | 7         |
| 1.2.4. Kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh ..... | 10        |
| <b>1.3. Tính chất của hệ thống thuế tối ưu</b> .....               | <b>11</b> |
| 1.3.1. Tính hiệu quả kinh tế.....                                  | 11        |
| 1.3.2. Tính đơn giản về mặt hành chính .....                       | 12        |
| 1.3.3. Tính linh hoạt .....  | 13        |
| 1.3.4. Tính trách nhiệm về mặt chính trị .....                     | 13        |
| 1.3.5. Tính công bằng.....   | 13        |
| <b>1.4. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế</b> .....                | <b>14</b> |
| 1.4.1. Tên gọi của thuế .....                                      | 14        |
| 1.4.2. Đối tượng nộp thuế.....                                     | 14        |
| 1.4.3. Đối tượng chịu thuế.....                                    | 14        |
| 1.4.4. Cơ sở thuế.....   | 15        |
| 1.4.5. Thuế suất .....   | 15        |
| 1.4.6. Các yếu tố khác .....                                       | 17        |
| <b>1.5. Phân loại thuế</b> .....                                   | <b>17</b> |
| 1.5.1. Theo phạm vi điều chỉnh của thuế.....                       | 17        |
| 1.5.2. Theo tính chất điều tiết của thuế.....                      | 17        |

|   |           |
|---|-----------|
| 1.5.3. Theo đối tượng chịu thuế.....  | 19        |
| <b>CHƯƠNG 2: CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ....</b>                                    | <b>21</b> |
| <b>2.1. Khái niệm về chính sách thuế .....</b>  | <b>21</b> |
| <b>2.2. Nguyên tắc và cơ sở ban hành chính sách thuế.....</b>                           | <b>22</b> |
| 2.2.1. Nguyên tắc ban hành .....  | 22        |
| 2.2.2. Cơ sở ban hành .....   | 22        |
| 2.2.3. Nhiệm vụ của chính sách thuế.....  | 27        |
| <b>2.3. Những người chịu trách nhiệm và các bên liên quan đến chính sách thuế .....</b> | <b>28</b> |
| <b>2.4. Các mục tiêu và sự lựa chọn chính sách thuế.....</b>                            | <b>33</b> |
| 2.4.1. Các mục tiêu chung của chính sách thuế.....                                      | 33        |
| 2.4.2. Những yếu tố tác động đến chính sách thuế .....                                  | 37        |
| 2.4.3. Công cụ thuế.....  | 38        |
| <b>2.5. Quản lý thuế trong nền kinh tế.....</b>   | <b>39</b> |
| 2.5.1. Mục tiêu và các nguyên tắc của quản lý thuế.....                                 | 39        |
| 2.5.1.1. Mục tiêu của quản lý thuế .....  | 39        |
| 2.5.1.2. Nguyên tắc của quản lý thuế.....   | 40        |
| 2.5.2. Nội dung cơ bản của quản lý thuế .....   | 41        |
| 2.5.2.1. Đăng ký thuế .....   | 41        |
| 2.5.2.2. Tính thuế, kê khai, nộp thuế.....  | 43        |
| 2.5.2.3. Khiếu nại, tố cáo .....  | 43        |
| 2.5.3. Tổ chức hệ thống bộ máy quản lý thuế .....                                       | 44        |
| 2.5.3.1. Nguyên tắc tổ chức hệ thống bộ máy quản lý thuế.....                           | 44        |
| 2.5.3.2. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan quản lý thuế.....                     | 47        |
| <b>CHƯƠNG 3: THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG .....</b>  | <b>51</b> |
| <b>3.1. Lịch sử ra đời và phát triển của thuế GTGT.....</b>                             | <b>51</b> |
| <b>3.2. Khái niệm và đặc điểm của thuế GTGT .....</b>                                   | <b>53</b> |
| 3.2.1. Khái niệm thuế GTGT.....   | 53        |

|   |           |
|---|-----------|
| 3.2.2. Đặc điểm của thuế GTGT.....  | 53        |
| <b>3.3. Nội dung cơ bản của Luật Thuế GTGT hiện hành ở Việt Nam .....</b> | <b>56</b> |
| 3.3.1. Hệ thống văn bản pháp luật thuế GTGT .....                         | 56        |
| 3.3.2. Quy định chung về thuế GTGT .....                                  | 56        |
| 3.3.2.1. Người nộp thuế GTGT.....   | 56        |
| 3.3.2.2. Đối tượng chịu thuế GTGT.....                                    | 56        |
| 3.3.2.3. Một số trường hợp không phải kê khai, tính và nộp thuế.....      | 58        |
| 3.3.3. Căn cứ tính thuế GTGT .....  | 59        |
| 3.3.3.1. Giá tính thuế GTGT .....   | 59        |
| 3.3.3.2. Thuế suất thuế GTGT .....  | 64        |
| 3.3.4. Phương pháp tính thuế GTGT .....                                   | 66        |
| 3.3.4.1. Phương pháp khấu trừ thuế GTGT .....                             | 67        |
| 3.3.4.2. Phương pháp tính thuế GTGT trực tiếp trên GTGT .....             | 70        |
| 3.3.5. Hoàn thuế GTGT .....   | 72        |
| 3.3.5.1. Cơ sở của việc hoàn thuế GTGT đầu vào.....                       | 72        |
| 3.3.5.2. Đối tượng và trường hợp được hoàn thuế GTGT .....                | 72        |
| 3.3.6. Hóa đơn điện tử .....  | 79        |
| <b>CHƯƠNG 4: THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT .....</b>                             | <b>91</b> |
| <b>4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế TTĐB.....</b>             | <b>91</b> |
| 4.1.1. Khái niệm thuế TTĐB .....  | 91        |
| 4.1.2. Đặc điểm của thuế TTĐB.....  | 91        |
| 4.1.3. Vai trò của thuế TTĐB .....  | 92        |
| <b>4.2. Nội dung cơ bản của thuế TTĐB ở Việt Nam.....</b>                 | <b>93</b> |
| 4.2.1. Hệ thống văn bản pháp luật thuế TTĐB.....                          | 93        |
| 4.2.2. Quy định chung về thuế TTĐB .....                                  | 93        |
| 4.2.2.1. Đối tượng chịu thuế TTĐB.....                                    | 93        |
| 4.2.2.2. Đối tượng không chịu thuế TTĐB .....                             | 94        |
| 4.2.2.3. Người nộp thuế TTĐB .....  | 96        |

|   |            |
|---|------------|
| 4.2.3. Căn cứ tính thuế TTĐB .....  | 96         |
| 4.2.3.1. Giá tính thuế TTĐB .....   | 96         |
| 4.2.3.2. Thuế suất thuế TTĐB .....  | 101        |
| 4.2.4. Phương pháp tính thuế TTĐB .....   | 102        |
| 4.2.5. Hoàn thuế, khấu trừ, giảm thuế TTĐB.....   | 103        |
| 4.2.5.1. Khấu trừ thuế TTĐB.....  | 103        |
| 4.2.5.2. Giảm thuế TTĐB .....   | 106        |
| 4.2.5.3. Hoàn thuế TTĐB .....   | 106        |
| 4.2.6. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế TTĐB.....  | 108        |
| 4.2.6.1. Đăng ký thuế TTĐB .....  | 108        |
| 4.2.6.2. Kê khai thuế TTĐB.....   | 108        |
| 4.2.6.3. Hóa đơn, chứng từ .....  | 109        |
| 4.2.6.4. Nộp thuế TTĐB .....  | 109        |
| <b>CHƯƠNG 5: THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU... 113</b>  |            |
| <b>5.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu .....</b>   | <b>113</b> |
| 5.1.1. Khái niệm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu .....   | 113        |
| 5.1.2. Đặc điểm của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu .....  | 113        |
| 5.1.3. Vai trò của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu .....   | 115        |
| <b>5.2. Nội dung cơ bản của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu hiện hành của Việt Nam.....</b>   | <b>116</b> |
| 5.2.1. Hệ thống văn bản pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ...  | 116        |
| 5.2.2. Quy định chung của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.....   | 117        |
| 5.2.2.1. Đối tượng chịu thuế .....  | 117        |
| 5.2.2.2. Người nộp thuế .....   | 118        |
| 5.2.3. Căn cứ tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu .....   | 119        |
| 5.2.3.1. Đối với hàng hóa áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm .....  | 119        |
| 5.2.3.2. Căn cứ tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối, phương pháp tính thuế hỗn hợp ..... | 134        |

|   |            |
|---|------------|
| 5.2.4. Phương pháp tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.....                               | 134        |
| 5.2.5. Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế và truy thu thuế xuất<br>khẩu, thuế nhập khẩu..... | 135        |
| 5.2.5.1. Miễn thuế.....   | 135        |
| 5.2.5.2. Giảm thuế.....   | 139        |
| 5.2.5.3. Hoàn thuế và truy thu thuế.....  | 139        |
| <b>5.3. Các loại thuế bổ trợ cho thuế nhập khẩu.....</b>                                  | <b>140</b> |
| 5.3.1. Thuế chống bán phá giá.....  | 140        |
| 5.3.2. Thuế chống trợ cấp.....  | 140        |
| 5.3.3. Thuế tự vệ.....  | 141        |
| <b>CHƯƠNG 6: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP .....</b>   | <b>145</b> |
| <b>6.1. Những vấn đề chung về thuế thu nhập doanh nghiệp .....</b>                        | <b>145</b> |
| 6.1.1. Khái niệm và vai trò của thuế TNDN.....  | 145        |
| 6.1.1.1. Khái niệm thuế TNDN.....   | 145        |
| 6.1.1.2. Vai trò của thuế TNDN.....   | 146        |
| 6.1.2. Đặc điểm của thuế TNDN.....  | 146        |
| <b>6.2. Nội dung cơ bản của thuế TNDN hiện hành ở Việt Nam .....</b>                      | <b>147</b> |
| 6.2.1. Phạm vi áp dụng thuế TNDN.....   | 148        |
| 6.2.1.1. Người nộp thuế TNDN.....   | 148        |
| 6.2.1.2. Thu nhập chịu thuế TNDN.....   | 149        |
| 6.2.1.3. Thu nhập được miễn thuế TNDN.....  | 151        |
| 6.2.2. Căn cứ tính thuế TNDN.....   | 153        |
| 6.2.2.1. Thu nhập tính thuế TNDN.....   | 153        |
| 6.2.2.2. Thuế suất thuế TNDN.....   | 187        |
| 6.2.2.3. Đồng tiền tính thuế TNDN.....  | 188        |
| 6.2.3. Phương pháp tính thuế TNDN.....  | 188        |
| 6.2.4. kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế TNDN.....                                       | 188        |
| 6.2.4.1. Khai thuế TNDN.....  | 188        |
| 6.2.4.2. Nộp thuế TNDN.....   | 191        |



|  |            |
|--|------------|
| 6.2.4.3. Quyết toán thuế TNDN.....                                       | 192        |
| 6.2.5. Ưu đãi thuế TNDN.....   | 193        |
| 6.2.5.1. Mục đích áp dụng ưu đãi thuế TNDN.....                          | 193        |
| 6.2.5.2. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN.....                         | 194        |
| 6.2.5.3. Thuế suất ưu đãi thuế TNDN.....                                 | 195        |
| 6.2.5.4. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN.....              | 195        |
| <b>CHƯƠNG 7: THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN.....</b>                              | <b>197</b> |
| <b>7.1. Những vấn đề chung về thuế TNCN.....</b>                         | <b>197</b> |
| 7.1.1. Khái niệm và tác dụng của thuế TNCN.....                          | 197        |
| 7.1.2. Đặc điểm của thuế TNCN.....                                       | 198        |
| <b>7.2. Nội dung cơ bản của Luật Thuế TNCN hiện hành ở Việt Nam.....</b> | <b>199</b> |
| 7.2.1. Phạm vi áp dụng thuế TNCN.....                                    | 199        |
| 7.2.1.1. Đối tượng nộp thuế TNCN.....                                    | 199        |
| 7.2.1.2. Thu nhập chịu thuế, thu nhập miễn thuế TNCN.....                | 200        |
| 7.2.2. Phương pháp tính thuế TNCN.....                                   | 205        |
| 7.2.2.1. Phương pháp tính thuế đối với cá nhân cư trú.....               | 205        |
| 7.2.2.2. Phương pháp tính thuế đối với cá nhân không cư trú....          | 219        |
| 7.2.3. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế TNCN.....             | 224        |
| 7.2.3.1. Đăng ký thuế.....   | 224        |
| 7.2.3.2. Kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế TNCN.....               | 224        |
| <b>CHƯƠNG 8: CÁC LOẠI THUẾ KHÁC.....</b>                                 | <b>227</b> |
| <b>8.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.....</b>                        | <b>227</b> |
| 8.1.1. Khái niệm.....  | 227        |
| 8.1.2. Nội dung thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.....                    | 227        |
| 8.1.3. Cách tính thuế.....   | 232        |
| 8.1.3.1. Giá tính thuế.....  | 232        |
| 8.1.3.2. Thuế suất.....  | 233        |
| 8.1.3.3. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế.....                            | 234        |

|   |            |
|---|------------|
| 8.1.3.4. Miễn thuế và giảm thuế .....                         | 235        |
| <b>8.2. Thuế bảo vệ môi trường .....</b>                      | <b>236</b> |
| 8.2.1. Khái niệm, đặc điểm.....                               | 236        |
| 8.2.2. Nội dung thuế bảo vệ môi trường.....                   | 236        |
| 8.2.2.1. Đối tượng chịu thuế của thuế bảo vệ môi trường ..... | 237        |
| 8.2.2.2. Phương pháp tính thuế .....                          | 238        |
| 8.2.3. Quản lý thuế bảo vệ môi trường .....                   | 239        |
| <b>8.3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.....</b>                 | <b>240</b> |
| 8.3.1. Khái niệm .....  | 240        |
| 8.3.2. Nội dung thuế sử dụng đất nông nghiệp.....             | 241        |
| 8.3.3. Quản lý thuế sử dụng đất nông nghiệp .....             | 243        |
| <b>8.4. Thuế tài nguyên.....</b>                              | <b>246</b> |
| 8.4.1. Khái niệm .....  | 246        |
| 8.4.2. Nội dung thuế tài nguyên .....                         | 247        |
| <b>8.5. Thuế nhà thầu.....</b>                                | <b>250</b> |
| 8.5.1. Khái niệm .....  | 250        |
| 8.5.2. Bản chất của thuế nhà thầu.....                        | 250        |
| 8.5.3. Nội dung thuế nhà thầu.....                            | 251        |
| 8.5.3.1. Đối tượng áp dụng .....                              | 251        |
| 8.5.3.2. Đối tượng không áp dụng .....                        | 253        |
| 8.5.3.3. Người nộp thuế .....                                 | 254        |
| 8.5.3.4. Các loại thuế áp dụng.....                           | 254        |
| 8.5.3.5. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế .....      | 255        |
| <b>CHƯƠNG 9: PHÍ VÀ LỆ PHÍ .....</b>                          | <b>273</b> |
| <b>9.1. Nguyên tắc chung ban hành phí và lệ phí .....</b>     | <b>274</b> |
| <b>9.2. Phân cấp quản lý phí và lệ phí.....</b>               | <b>275</b> |
| 9.2.1. Nguyên tắc phân cấp quản lý phí và lệ phí.....         | 275        |
| 9.2.2. Phí và lệ phí do Trung ương quản lý .....              | 276        |
| 9.2.3. Phí và lệ phí do địa phương quản lý.....               | 276        |

|   |            |
|---|------------|
| <b>9.3. Nội dung Luật Phí và lệ phí.....</b>              | <b>276</b> |
| 9.3.1. Hệ thống văn bản pháp luật.....                    | 276        |
| 9.3.2. Quy định chung về phí và lệ phí.....               | 279        |
| 9.3.3. Thẩm quyền quy định về phí và lệ phí.....          | 281        |
| 9.3.4. Chế độ thu nộp phí và lệ phí.....                  | 283        |
| <b>9.4. Quản lý phí và lệ phí của Việt Nam.....</b>       | <b>285</b> |
| 9.4.1. Xu hướng chung cải cách phí và lệ phí.....         | 285        |
| 9.4.2. Thực trạng quản lý phí và lệ phí của Việt Nam..... | 286        |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>                            | <b>290</b> |
| <b>PHỤ LỤC.....</b>                                       | <b>291</b> |

## LỜI NÓI ĐẦU

“Trong cuộc đời mỗi con người, giống như cái chết, Thuế là thứ mà không ai có thể tránh được”. Vì vậy, biết và hiểu đúng về các vấn đề liên quan đến Thuế, đặc biệt là các sắc Thuế hiện hành ở nơi mình đang sinh sống, là vấn đề cần thiết với mỗi người dân, bởi lẽ: biết để có ý thức rằng mỗi người dân là người đóng Thuế cho Nhà nước; biết để làm tốt nghĩa vụ của người nộp Thuế. Đối với các nhà Kinh tế, những kiến thức về Thuế là hành trang không thể thiếu trước khi họ bước vào nghề. Với ý nghĩa đó, từ nhiều năm nay, học phần Thuế đã được đưa vào giảng dạy cho nhiều chuyên ngành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của sinh viên nhà trường, đồng thời đáp ứng nhu cầu cần tìm hiểu, nghiên cứu về Thuế của những ai quan tâm, Bộ môn Tài chính công, Viện Ngân hàng – Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân biên soạn và xuất bản “*Giáo trình Thuế*”. Cuốn giáo trình được biên soạn dựa trên sự tham khảo và kế thừa có chọn lọc những nguyên lý cơ bản về thuế được trình bày trong các cuốn sách Kinh tế học của các học giả nước ngoài; trong một số sách, giáo trình và tài liệu của các tác giả trong nước; cập nhật những kiến thức mới phù hợp với điều kiện của nền kinh tế và những văn bản pháp quy về Thuế.

Giáo trình gồm 9 chương, liên quan đến ba nhóm vấn đề lớn: (1) Các vấn đề nguyên lý chung về thuế và chính sách thuế; (2) Nội dung các chính sách thuế hiện hành ở Việt Nam; (3) Các vấn đề về phí và lệ phí. Cuối mỗi chương, chúng tôi có đưa ra các câu hỏi ôn tập giúp người học có thể củng cố nhanh các kiến thức trên lớp, có thể liên hệ tình hình thực tiễn để người học thảo luận và làm việc theo nhóm.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, song cuốn “*Giáo trình thuế*” của chúng tôi chắc vẫn còn nhiều thiếu sót. Chúng tôi trân trọng và sẵn sàng đón nhận những ý kiến góp ý của quý độc giả để lần xuất bản sau cuốn giáo trình được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Tập thể tác giả